

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ biên bản họp hội đồng khoa học bệnh viện ngày 25/04/2025 đã được hội đồng khoa học thông qua về danh mục số lượng, yêu cầu kỹ thuật của các hóa chất xét nghiệm sử dụng cho các máy xét nghiệm của Bệnh viện.

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá của các đơn vị cung cấp hóa chất xét nghiệm để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất xét nghiệm và (theo phụ lục 01) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
- Cách thức báo giá: Nộp bản chính (bản cứng) và bản mềm (lưu trên USB) đối với hàng hóa:
 - + 01 bản chính (bản cứng) bằng tiếng Việt có ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp các hãng sản xuất, các nhà cung cấp theo mẫu phụ lục đính kèm (Phụ Lục 02).
 - + Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của hàng hóa và các tài liệu khác liên quan (nếu có).
- Địa điểm nộp báo giá: Gửi đến bộ phận văn thư của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm - phường Nguyễn Du - quận Hai Bà Trưng – Tp. Hà Nội.
- Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày
Từ ngày 06.../05.../2025 đến hết 17h ngày 16.../05.../2025
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất xét nghiệm theo phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt, thực hiện dịch vụ; Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Thời gian hoàn thành hợp đồng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.



4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ lúc hoàn thiện các thủ tục thanh toán theo quy định.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Mọi thông tin cần giải đáp vui lòng liên hệ số điện thoại: 0243 8225331-Phòng Vật tư-Thiết bị y tế (Gặp đồng chí đồng chí Phạm Văn Toàn.)

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư, PC,
Vật tư-TBYT.

Giám Đốc Bệnh viện



PGS.TS Vũ Nam



Phụ lục 01

Danh mục hóa chất xét nghiệm

Đính kèm thông báo số: 435/TB-BVYHCTTW ngày 05 tháng 5 năm 2025

I- Hóa chất xét nghiệm sinh hóa (Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680)

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc	2025	Bình	16
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm a-Amylase-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase-Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Dải đo: 1.8 - 1317 U/L, phương pháp đo: Direct substrate.THÀNH PHẦN. Thuốc thử, chứa: đệm MES 50 mmol/L, calci clorid 5 mmol/L, natri clorid 300 mmol/L, natri thiocyanat 450 mmol/L, CNP-G3 2,25 mmol/L, pH 6,1.	2025	Lọ	12
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo: 1.6 - 800 U/L .THÀNH PHẦN. Thuốc thử : Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3.B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	2025	Hộp	40
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp đo quang, IFCC, Dải đo: 1.1 - 800 U/L.THÀNH PHẦN. Thuốc thử : Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8.B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	2025	Hộp	40
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin mẫu huyết thanh, huyết tương người. Dải đo: 1.1 - 70 g/L, phương pháp đo: Bromocresol green.THÀNH PHẦN. Thuốc thử, chứa: Đệm Acetat 100 mmol/L, xanh bromocresol 0,27 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 4,1.S. Albumin Standard (Chất chuẩn). Albumin bò.	2025	Hộp	10
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Dải đo: 0.16 - 15 mg/dL, phương pháp đo: DPD.THÀNH PHẦN. Thuốc thử (5 lọ x 40 mL) chứa: Phosphoric acid 90 mmol/L; HEDTA 4.5 mmol/L; natri clorid 50 mmol/L; pH 1,5B. Thuốc thử (5 lọ x 10 mL) chứa: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L.	2025	Hộp	8
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Dải đo: 0.201 - 38 mg/dL, phương pháp đo: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM.THÀNH PHẦN. Thuốc thử (5 lọ x 40 mL) chứa: Hydrochloric acid 170 mmol/L, cetrinide 40 mmol/L, pH 0,9.B. Thuốc thử (5 lọ x 10 mL) chứa: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L	2025	Hộp	8
8	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người.Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người.THÀNH PHẦNBiochemistry Calibrator (Human) chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).	2025	Hộp	6

9	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).	2025	Hộp	6
10	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).	2025	Hộp	6
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase; Dải đo: 4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L). THÀNH PHẦN. Thuốc thử. Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0.	2025	Hộp	40
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang. Thuốc thử A chứa: đệm MES, polyme, 4-aminoantipyrin, chất tẩy rửa, pH 6,5. Thuốc thử B chứa: đệm MES, cholesterol esterase, peroxidase, cholesterol oxidase, N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS), chất tẩy rửa, pH 5,5.	2025	Hộp	20
13	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN CK-MB Control Serum – 1 lọ x 1 mL, dạng bột đông khô: huyết thanh người với nồng độ CK-MB và CK thích hợp	2025	Hộp	2
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase (CK)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase (CK) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Dải đo: 9.2 - 1300 U/L, phương pháp đo: IFCC. THÀNH PHẦN A. Thuốc thử: Imidazol 125 mmol/L, EDTA 2 mmol/L, magie acetat 12,5 mmol/L, D-glucose 25 mmol/L, N-acetyl cystein 25 mmol/L, hexokinase 6000 U/L, NADP 2,4 mmol/L, pH 6,7. B. Thuốc thử: Creatine phosphat 250 mmol/L, ADP 15 mmol/L, AMP 25 mmol/L, P ₁ , P ₅ -di(adenosine-5')-pentaphosphat, 102 µmol/L, glucose-6-phosphat dehydrogenase 8000 U/L	2025	Hộp	15
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-MB (CK-MB)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Dải đo: 3 - 1000 U/L, phương pháp đo: Immunoinhibition. THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Kháng thể kháng CK-M người có khả năng ức chế 2000 U/L CK-M; Imidazol 125 mmol/L; EDTA 2 mmol/L; magie acetat 12,5 mmol/L; D-glucose 25 mmol/L; N-acetyl cystein 25 mmol/L; hexokinase 6800 U/L; NADP 2,4 mmol/L; pH 6,1. B. Thuốc thử: Creatine phosphate 250 mmol/L; ADP 15,2 mmol/L; AMP 25 mmol/L; P ₁ , P ₅ -di(adenosine-5')-pentaphosphate 103 µmol/L; glucose-6-phosphate dehydrogenase 8800 U/L.	2025	Hộp	15
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Dải đo: 2.65 - 1768 µmol/L, phương pháp đo: JAFFÉ. THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa. B. Thuốc thử: Acid picric 25 mmol/L. S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinine Standard. Glucose 100 mg/dL, urea 50 mg/dL, creatinin 2 mg/dL (177 µmol/L). Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	40

17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Iron-Ferrozine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Iron-Ferrozine mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Dải đo: 1.1 - 179 $\mu\text{mol/L}$, phương pháp đo: Ferrozine.THÀNH PHẦN. Thuốc thử (4 lọ x 40 mL) chứa: Guanidin clorid 1,0 mol/L, đệm acetat 0,4 mol/L, pH 4,0.B. Thuốc thử (4 lọ x 10 mL) chứa: Ferrozine 8 mmol/L, acid ascorbic 200 mmol/L.S. Chất chuẩn sắt (1 lọ x 5 mL) chứa: Sắt 200 $\mu\text{g/dL}$ (35,8 $\mu\text{mol/L}$). Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	8
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein (Total)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Dải đo: 4.6 -150 g/L, phương pháp đo: Biuret.THÀNH PHẦN. Thuốc thử. Đồng (II) acetat 6 mmol/L, kali iod 12 mmol/L, natri hydroxid 1,15 mol/L, chất tẩy rửa. S. Chất chuẩn Protein Standard. Albumin bò.	2025	Hộp	10
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Bun - UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Dải đo: 0.42 -50 mmol/L, phương pháp đo: Urease / Glutamate dehydrogenase.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: dung dịch đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease > 140 U/mL; glutamat dehydrogenase > 140 U/mL; ethylenglycol 220 g/L; natri azid 9,5 g/L; pH 8,0.B. Thuốc thử chứa: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinin: Glucose 100 mg/dL, urea 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước	2025	Hộp	20
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calcium mẫu huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu người.. Dải đo: 0.05 - 4.5 mmol/L , phương pháp đo: Arsenazo III.THÀNH PHẦN. Thuốc thử. Arsenazo III 0,2 mmol/L, imidazol 75 mmol/L. S. Chất chuẩn calci/magie. Calci 10 mg/dL (2,5 mmol/L), magie 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	15
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Dải đo: 1.19 - 1487 $\mu\text{mol/L}$, phương pháp đo: Uricase / peroxidase.THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Phosphat 100 mmol/L, chất tẩy rửa 1,5 g/L, dichlorophenolsulfonat 4 mmol/L,uricase > 0,12 U/mL, ascorbat oxidase > 5 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,8. S. Chất chuẩn: Acid uric 6 mg/dL (357 $\mu\text{mol/L}$). Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	40
22	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ -Glutamyltransferase (GGT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (GGT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo: 1.6 - 600 U/L .THÀNH PHẦN. Thuốc thử: Glycylglycin 206,25 mmol/L, natri hydroxid 130 mmol/L, pH 7,9.B. Thuốc thử: γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilid 32,5 mmol/L.	2025	Hộp	30
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người.. Dải đo: 0,0126 -27.5 mmol/L , phương pháp đo: Glucose oxidase/peroxidase.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5.S. Chất chuẩn Glucose/Urea/Creatinine Standard chứa: Glucose 100 mg/dL (5,55 mmol/L), ure 50 mg/dL, creatinin 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	45

24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Dải đo: 0.018 - 6.78 mmol/L, phương pháp đo: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase. THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: đệm Pipes 45 mmol/L, magie acetat 5 mmol/L, 4-chlorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0.S. Chất chuẩn Triglycerides Standard: Nồng độ glycerol tương đương với nồng độ triolein 200 mg/dL (2,26 mmol/L). Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	2025	Hộp	40
----	--	---	------	-----	----

II-Hóa chất xét nghiệm điện giải (Sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải 3 thông số và máy điện giải 4 thông số của hãng Ilyte):

STT	Tên chung hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Số lượng
1	DAILY RINSE KIT	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	2025	12
2	Hộp dd điện giải Na/K/Cl	Hóa chất xét nghiệm các thông số Na/K/Cl sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải. *Thành phần bao gồm: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na ⁺ ; 4.0 mmol/L K ⁺ ; 125.0 mmol/L Cl ⁻ ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na ⁺ ; 16.0 mmol/L K ⁺ ; 41.0 mmol/L Cl ⁻ ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Hộp	2025	10
3	Hộp dd điện giải Na/K/Ca/pH	Hóa chất xét nghiệm các thông số Na/K/Ca/pH sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải. Thành phần bao gồm: Standard A Solution, 800mL: 145.0 mmol/L Na ⁺ ; 4.0 mmol/L K ⁺ ; 1.25 mmol/L Ca ⁺⁺ ; 7.4 đơn vị pH; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 80.0 mmol/L Na ⁺ ; 10.0 mmol/L K ⁺ ; 2.5 mmol/L Ca ⁺⁺ ; 6.8 đơn vị pH; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Waste Container	Hộp	2025	10

III-Hóa chất xét nghiệm huyết học (Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Celldyn Ruby)

STT	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Số lượng
1	Cell-Dyn Sapphire and Cell-Dyn Ruby Systems Diluent/ Sheath	Thành phần: Sodium Phosphate, Dibasic <0.3%; Potassium Phosphate, Monobasic <0.05%; Disodium EDTA, Dihydrate <0.03%; Sodium Chloride <1.0%; Potassium Chloride <0.05%; chất hoạt động bề mặt <0.002%; chất bảo quản <0.04% Bảo quản ở nhiệt độ phòng.	Thùng	2025	52
2	CN-Free HGB/NOC Lyse	Hóa chất ly giải sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Celldyn Ruby. Bảo quản ở nhiệt độ phòng. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt <10%;	Hộp	2025	7

		Hydroxylamine Salt <3%.			
3	WBC Lyse	Dung dịch pha loãng bạch cầu và tạo áp suất thẩm thấu thấp hơn tế bào hồng cầu dẫn tới giải phóng HGB ra khỏi tế bào hồng cầu (chứa dung dịch đệm, chứa Aromatic Oxy-Alcohol và chứa Polyoxyethylene Ether)	Hộp	2025	32
4	Cell- Dyn 29 Plus Control (with Retic-half)	Sử dụng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm cho dòng máy xét nghiệm huyết học Celldyn. Hộp ≥ (6 x 3 ml). Bảo quản ở 2 - 10 độ C.	Hộp	2025	12
5	Enzymatic Cleaner Concentrate	Hóa chất được sử dụng để loại protein tích tụ và các mảnh trong buồng đếm, dòng chảy tế bào, và các ống trong máy phân tích huyết học tự động. Thành phần gồm có: + Subtilisin <5.0%; + Anti-Microbial Agent <1.0%; + Buffer <25.0%; Stabilizer <3.0%; + Polyoxyethylene Ether <10.0%.	Hộp	2025	8

IV- Hóa chất xét nghiệm đông máu(sử dụng cho máy Xét nghiệm đông máu ACL Elite).

STT	Danh mục hóa chất xét nghiệm	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số Lượng
1	HemosIL APTT-SP (liquid)	+ Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride, thực hiện trên máy xét nghiệm đông máu. Dạng lỏng. Thành phần tối thiểu chứa silica keo, phospholipid tổng hợp, đệm và chất bảo quản. Thời gian ổn định hóa chất sau khi mở nắp: tối thiểu từ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, tối thiểu từ 5 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	5
2	HemosIL Calibration plasma	+ Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng đông khô. Thành phần tối thiểu: chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu từ 24 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ C với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein C và Protein S, tối thiểu từ 8 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ C với các xét nghiệm yếu tố Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1
3	HemosIL Cleaning solution	+ Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa acid chlohydric 100 mmol/L. Đóng gói: 500 mL Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	3
4	HemosIL Cleaning agent	+ Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa dung dịch natri hypoclorit. Đóng gói: 80ml Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1

5	HemosIL Factor diluent	+ Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên máy xét nghiệm đông máu. Dạng Lỏng. Thành phần tối thiểu có chứa natri chloride và natri azide. Đóng gói: 100 mL Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1
6	HemosIL High Abnormal Control ASSAYED	+ Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu từ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT hoặc thời gian ổn định tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatocomplex. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1
7	HemosIL Low Abnormal Control ASSAYED	+ Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định: tối thiểu 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT hoặc tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatocomplex. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1
8	HemosIL Normal Control ASSAYED	+ Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường. Dạng Bột khô. Thành phần tối thiểu chứa huyết tương người. Thời gian ổn định tối thiểu 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT hoặc tối thiểu từ 8 tiếng với xét nghiệm Hepatocomplex. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	1
9	HemosIL RecombiPlaSTin 2G	+ Hóa chất để xác định thời gian prothrombin (PT) và định lượng fibrinogen trong huyết tương người trên máy xét nghiệm đông máu tự động. Hoá chất với độ nhạy ISI trung bình đạt 1,00 và độ nhạy với Heparin $\leq 1,0$ U/mL. Dạng Bột khô và chất bảo quản và đệm. Thành phần tối thiểu chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, canxi clorua. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) tối thiểu từ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và tối thiểu từ 4 ngày ở 15 độ C trên máy. Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	7
10	HemosIL Wash-R Emulsion	+ Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu. Thành phần tối thiểu chứa: Nhũ tương dầu silicone đã được ổn định, chất hoạt động bề mặt và natri azide. Dạng lỏng. Đóng gói: 1L Chứng nhận chất lượng CE, ISO (13485)	2025	Hộp	25
11	Rotor	+ Cồng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn khay tròn chứa 20 cồng phản ứng.	2025	Thùng	4

V- Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1c Labonacheck

STT	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm HbA1c	Labonacheck A1c HbA1c Test Kit	2025	Hộp	150

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo thông báo số /TB-BVYHCTTW ngày tháng năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện y học cổ truyền trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện y học cổ truyền Trung ương, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế

STT	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)	Giá kê khai
1	Trang thiết bị A									
2	Trang thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng,
kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá],
chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng
tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành
viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn
trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn
trang thiết bị y tế.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...
[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi
ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I –
Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng
nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài
liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định
của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh
tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.